



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận	2900765728	ngày 25 tháng 9 năm 2006
Đăng ký Doanh nghiệp số	2900765728	ngày 11 tháng 5 năm 2017

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2900765728 ngày 11 tháng 5 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Tiến Dũng Ông Hoàng Lâm Hòa Ông Ngô Quang Danh Ông Nguyễn Xuân Hải Ông Nguyễn Kim Hòa	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	--	--

Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thanh Thủy Bà Nguyễn Thị Huân Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Trưởng ban Thành viên Thành viên
----------------------	---	--

Ban Giám đốc	Ông Hoàng Lâm Hòa Ông Đặng An Hải Ông Trần Đức Sơn	Giám đốc Phó Giám đốc Phó Giám đốc
---------------------	--	--

Trụ sở đăng ký	Số 54, Đường Phan Đăng Lưu Phường Trường Thi Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.


Thay mặt Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA
SÀI GÒN-NGHỆ TĨNH
TỈNH NGHỆ AN
Hoàng Lâm Hòa
Giám đốc

Tỉnh Nghệ An, ngày 11 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh



Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00306-21-2

Hà Vũ Đình

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2021



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND (Phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		55.467.328.458	62.128.319.261
Tiền	110	6	9.995.409.036	4.656.183.143
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.991.183.490	4.360.494.732
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.338.171.389	1.877.542.614
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		253.989.850	2.214.032.524
Phải thu ngắn hạn khác	136		399.022.251	268.919.594
Hàng tồn kho	140	8	39.965.503.167	50.889.588.144
Hàng tồn kho	141		46.029.127.514	59.511.657.378
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.063.624.347)	(8.622.069.234)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.515.232.765	2.222.053.242
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		763.791.196	237.298.682
Thuế phải thu Nhà nước	153	12(b)	1.751.441.569	1.984.754.560
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		124.803.165.010	133.599.346.299
Tài sản cố định	220		83.461.064.383	86.645.451.094
Tài sản cố định hữu hình	221	9	83.452.008.828	86.616.395.540
Nguyên giá	222		427.466.694.187	420.648.214.018
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(344.014.685.359)	(334.031.818.478)
Tài sản cố định vô hình	227		9.055.555	29.055.554
Nguyên giá	228		279.900.000	279.900.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(270.844.445)	(250.844.446)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.862.269.065	974.685.261
Xây dựng cơ bản dở dang	242		2.862.269.065	974.685.261
Tài sản dài hạn khác	260		38.479.831.562	45.979.209.944
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	38.479.831.562	45.979.209.944
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		180.270.493.468	195.727.665.560

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

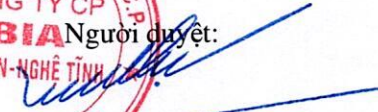
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND (Phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		47.249.035.986	54.668.453.130
Nợ ngắn hạn	310		33.684.532.155	41.558.304.917
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	7.161.887.446	17.015.492.275
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		625.495.300	1.081.643.550
Thuế phải nộp Nhà nước	313	12(a)	8.348.982.467	7.543.680.054
Phải trả người lao động	314		2.740.371.922	5.418.251.476
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	2.623.507.712	2.127.755.518
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		554.545.460	324.181.816
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	10.654.571.570	8.483.114.050
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	975.170.278	(435.813.822)
Nợ dài hạn	330		13.564.503.831	13.110.148.213
Phải trả dài hạn khác	337		2.000.150.000	1.769.500.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	17	124.485.531	804.425.463
Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	11.439.868.300	10.536.222.750
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		133.021.457.482	141.059.212.430
Vốn chủ sở hữu	410	19	133.021.457.482	141.059.212.430
Vốn cổ phần	411	20	105.000.000.000	105.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		105.000.000.000	105.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		7.390.909.325	7.390.909.325
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	8.000.000.000	21.774.479.829
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.630.548.157	6.893.823.276
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		10.901.749.005	2.426.799.948
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.728.799.152	4.467.023.328
TỔNG NGUỒN VỐN	440		180.270.493.468	195.727.665.560
(440 = 300 + 400)				

Ngày 11 tháng 3 năm 2021

Người lập:


 Đặng Hải Hà
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Hoàng Lâm Hòa
 Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng	01	24	235.328.513.341	271.698.904.841
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	1.425.493.500	1.557.308.563
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	24	233.903.019.841	270.141.596.278
Giá vốn hàng bán	11	25	194.680.276.996	226.591.199.414
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		39.222.742.845	43.550.396.864
Doanh thu hoạt động tài chính	21		257.617.099	119.172.203
Chi phí tài chính	22		294.657.471	393.109.119
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		294.244.315	392.134.975
Chi phí bán hàng	25	26	12.742.444.668	16.307.438.430
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	22.858.115.468	22.343.720.941
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		3.585.142.337	4.625.300.577
Thu nhập khác	31		802.680.851	1.401.541.820
Chi phí khác	32		270.577.158	253.674.405
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		532.103.693	1.147.867.415
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.117.246.030	5.773.167.992
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	2.121.386.810	3.094.792.843
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	29	(679.939.932)	(1.788.648.179)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.675.799.152	4.467.023.328
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	165	425

Ngày 11 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Đặng Hải Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Hoàng Lâm Hòa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	4.117.246.030	5.773.167.992
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	10.653.820.286	10.234.418.472
Các khoản dự phòng	03	(1.654.799.337)	8.755.890.985
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(158.312)	822.109
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(235.223.309)	(212.449.762)
Chi phí lãi vay	06	294.244.315	392.134.975
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	13.175.129.673	24.943.984.771
Biến động các khoản phải thu	09	(126.332.447)	330.543.791
Biến động hàng tồn kho	10	13.482.529.864	(9.275.396.951)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(11.922.867.879)	3.054.894.502
Biến động chi phí trả trước	12	6.972.885.868	3.483.212.597
		21.581.345.079	22.537.238.710
Tiền lãi vay đã trả	14	(294.244.315)	(392.134.975)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.900.632.513)	(3.766.137.249)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(482.570.000)	(611.068.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	18.903.898.251	17.767.898.486
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(7.704.636.306)	(8.157.816.813)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	54.181.817	288.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	257.617.099	119.020.168
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.392.837.390)	(7.750.796.645)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33	23.432.762.363	30.530.408.669
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(23.432.762.363)	(37.030.408.669)
Tiền chi trả cổ tức	36	(6.171.993.280)	(1.874.484.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.171.993.280)	(8.374.484.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	5.339.067.581	1.642.617.041
Tiền đầu năm	60	4.656.183.143	3.014.388.211
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	158.312	(822.109)
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 6)	70	9.995.409.036	4.656.183.143

Ngày 11 tháng 3 năm 2021

Người lập:


 Đặng Hải Hà
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Hoàng Lâm Hòa
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 26 tháng 12 năm 2016, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã giao dịch là SB1.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán các sản phẩm bia, cồn, rượu và nước giải khát; lắp đặt và chuyển giao công nghệ sản xuất bia; và mua bán các loại nguyên, nhiên vật liệu phục vụ ngành bia và nước giải khát.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 264 nhân viên (1/1/2020: 260 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyên khoản và tỷ giá bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 4 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bình inox

Bình inox là dụng cụ được Công ty sử dụng trong quá trình sản xuất bia và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bình inox được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 10 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 6 năm.

(iv) Chi phí nâng cấp

Chi phí nâng cấp tài sản cố định phản ánh các chi phí sửa chữa, thay thế máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không đủ điều kiện để ghi nhận vào nguyên giá tài sản cố định. Chi phí nâng cấp được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) **Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) **Doanh thu và thu nhập khác**

(i) **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) **Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời gian thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Ảnh hưởng của Covid-19 và nghị định mới

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) từ tháng 3 năm 2020 tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, công ty mẹ, và do đó cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Nghị định 100/2019/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 cũng ảnh hưởng đến ngành sản xuất và kinh doanh bia rượu. Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Mặc dù Việt Nam đã cho phép tất cả các lĩnh vực kinh doanh được mở cửa hoạt động trở lại, nhưng hoạt động du lịch quốc tế vẫn tạm thời bị đóng cửa. Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh cồn, rượu và nước giải khát; lắp đặt và chuyển giao công nghệ sản xuất bia; và mua bán các loại nguyên, nhiên vật liệu phục vụ ngành bia và nước giải khát. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

6. Tiền

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền mặt	310.777.968	505.984.818
Tiền gửi ngân hàng	9.684.631.068	4.150.198.325
	<hr/>	<hr/>
	9.995.409.036	4.656.183.143

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn – công ty mẹ	2.139.835.500	845.928.600
Các khách hàng khác	198.335.889	1.031.614.014
	<hr/> 2.338.171.389	<hr/> 1.877.542.614

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	227.272.727	-
Nguyên vật liệu	13.170.309.576	-	16.721.329.905	-
Công cụ và dụng cụ	15.890.852.667	(6.063.624.347)	22.452.269.459	(8.622.069.234)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.499.264.620	-	13.496.006.445	-
Thành phẩm	3.468.700.651	-	6.614.778.842	-
	<hr/> 46.029.127.514	<hr/> (6.063.624.347)	<hr/> 59.511.657.378	<hr/> (8.622.069.234)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	8.622.069.234	-
Dự phòng trích lập trong năm	-	8.622.069.234
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(2.558.444.887)	-
	<hr/> 6.063.624.347	<hr/> 8.622.069.234

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	36.495.389.319	370.805.980.211	10.133.077.130	3.213.767.358	420.648.214.018
Tăng trong năm	-	7.103.181.000	-	442.828.182	7.546.009.182
Phân loại lại	-	-	(1.895.030.928)	1.895.030.928	-
Thanh lý	-	(558.861.486)	-	(168.667.527)	(727.529.013)
Số dư cuối năm	36.495.389.319	377.350.299.725	8.238.046.202	5.382.958.941	427.466.694.187
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	27.712.550.547	295.305.827.871	7.929.483.746	3.083.956.314	334.031.818.478
Khấu hao trong năm	1.023.726.008	9.102.151.389	435.110.792	72.832.098	10.633.820.287
Phân loại lại	-	-	(1.859.744.732)	1.859.744.732	-
Thanh lý	-	(482.285.879)	-	(168.667.527)	(650.953.406)
Số dư cuối năm	28.736.276.555	303.925.693.381	6.504.849.806	4.847.865.617	344.014.685.359
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	8.782.838.772	75.500.152.340	2.203.593.384	129.811.044	86.616.395.540
Số dư cuối năm	7.759.112.764	73.424.606.344	1.733.196.396	535.093.324	83.452.008.828

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản cố nguyên giá 276.487 triệu VND (1/1/2020: 271.194 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Chi phí trả trước dài hạn**

	Bình inox VND	Công cụ và dụng cụ VND	Bao bì luân chuyển VND	Chi phí nâng cấp VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	18.447.796.754	11.392.774.626	9.975.446.867	6.163.191.697	45.979.209.944
Tăng trong năm	260.875.000	8.824.772.005	1.400.721.406	1.882.440.937	12.368.809.348
Phân bổ trong năm	(4.238.331.622)	(10.821.034.293)	(3.175.214.647)	(1.633.607.168)	(19.868.187.730)
Số dư cuối năm	14.470.340.132	9.396.512.338	8.200.953.626	6.412.025.466	38.479.831.562

11. Phải trả người bán ngắn hạn**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	1.499.737.250	4.436.078.350
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	1.291.756.400	-
Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long	773.488.320	355.635.280
Công ty TNHH Bao Bì Nước Giải Khát Crown Đà Nẵng	743.895.900	1.445.224.424
Các nhà cung cấp khác	2.853.009.576	10.778.554.221
	7.161.887.446	17.015.492.275

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	1.291.756.400	-
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	663.959.230	1.510.738.922
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	15.345.000	30.690.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	-	433.365.777
Công ty TNHH Bao Bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	-	291.425.200
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	-	125.125.000

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước****(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cân trừ trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	7.117.260.931	174.938.427.009	(174.445.213.584)	-	7.610.474.356
Thuế giá trị gia tăng	417.877.203	40.684.848.856	(26.133.125.079)	(14.570.223.584)	399.377.396
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.121.386.810	(1.900.632.513)	(220.754.297)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	875.159.291	(536.301.002)	(12.558.694)	326.299.595
Thuế tài nguyên	8.541.920	1.959.632.279	(1.955.343.079)	-	12.831.120
	7.543.680.054	220.579.454.245	(204.970.615.257)	(14.803.536.575)	8.348.982.467

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số cân trừ trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.972.195.866	(220.754.297)	1.751.441.569
Thuế thu nhập cá nhân	12.558.694	(12.558.694)	-
	1.984.754.560	(233.312.991)	1.751.441.569

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng và chi phí khuyến mãi	1.489.633.976	1.512.921.738
Chi phí vận chuyển và bốc xếp	68.181.818	90.909.090
Chi phí phải trả khác	1.065.691.918	523.924.690
	2.623.507.712	2.127.755.518

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Cổ tức phải trả	6.749.456.570	4.101.449.850
Nhận ký quỹ ngắn hạn	3.762.869.000	4.017.117.000
Phải trả ngắn hạn khác	142.246.000	364.547.200
	<hr/> 10.654.571.570	<hr/> 8.483.114.050

15. Vay ngắn hạn

	Biến động trong năm		31/12/2020 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
	1/1/2020 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	
Vay ngắn hạn	-	23.432.762.363 (23.432.762.363)	-

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Vinh có hạn mức tín dụng là 50.000 triệu VND và không có đảm bảo. Khoản vay này chịu lãi suất từ 6,0% đến 7,5% một năm (2019: 6,2% đến 6,7% một năm).

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	(435.813.822)	96.666.178
Trích lập trong năm (Thuyết minh 19)	947.000.000	-
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	946.554.100	-
Sử dụng trong năm	(482.570.000)	(532.480.000)
	<hr/> 975.170.278	<hr/> (435.813.822)

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả****Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND (Phân loại lại)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.287.973.660	2.107.244.550
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.212.724.870	1.724.413.846
	3.500.698.530	3.831.658.396
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Phân bổ thùng Inox	(3.625.184.061)	(4.636.083.859)
	(124.485.531)	(804.425.463)

18. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2020 VND
Số dư đầu năm	10.536.222.750
Dự phòng trích lập trong năm	903.645.550
	11.439.868.300

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	(Lỗ lũy kế)/ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	105.000.000.000	7.390.909.325	21.774.479.829	10.500.000.000	(3.873.200.052)	140.792.189.102
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	4.467.023.328	4.467.023.328
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	(4.200.000.000)	(4.200.000.000)
Chuyển từ quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	-	(10.500.000.000)	10.500.000.000	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	105.000.000.000	7.390.909.325	21.774.479.829	-	6.893.823.276	141.059.212.430
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	2.675.799.152	2.675.799.152
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	(8.820.000.000)	(8.820.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	-	(947.000.000)	(947.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	-	(946.554.100)	(946.554.100)
Chuyển từ quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	(13.774.479.829)	-	13.774.479.829	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	105.000.000.000	7.390.909.325	8.000.000.000	-	12.630.548.157	133.021.457.482

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020	và 1/1/2020
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	10.500.000	105.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	10.500.000	105.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

21. Cổ tức

Nghị quyết của Hội đồng Quản trị của Công ty ngày 21 tháng 10 năm 2020 đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 8.820 triệu VND (tương đương 840 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 (2019: 4.200 triệu VND, tương đương 400 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018).

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Theo Nghị quyết số 05/2020/NQ-HDQT ngày 2 tháng 3 năm 2020, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt chuyển 13.774 triệu VND từ quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.043.147.477	3.043.147.477
Từ hai đến năm năm	4.122.022.165	6.733.017.108
Sau năm năm	8.643.050.668	9.075.203.201
	<hr/>	<hr/>
	15.808.220.310	18.851.367.786
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên	Tương đương	Nguyên	Tương đương
	tệ	VND	tệ	VND
Ngoại tệ				
▪ USD	164	3.768.065	202	4.676.770
▪ EUR	237	6.609.684	270	6.977.826
		<hr/>		<hr/>
		10.377.749		11.654.596
		<hr/>		<hr/>



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2020	2019
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	230.962.093.781	265.900.512.445
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	403.536.784.027	471.033.321.494
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(172.574.690.246)	(205.132.809.049)
▪ Doanh thu khác	4.366.419.560	5.798.392.396
	<hr/> 235.328.513.341	<hr/> 271.698.904.841
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	1.425.493.500	1.557.308.563
	<hr/> 233.903.019.841	<hr/> 270.141.596.278

25. Giá vốn hàng bán

	2020	2019
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	196.101.715.681	216.951.756.870
▪ (Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.558.444.887)	8.622.069.234
▪ Giá vốn khác	1.137.006.202	1.017.373.310
	<hr/> 194.680.276.996	<hr/> 226.591.199.414

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí bán hàng

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.657.174.188	4.958.560.454
Chi phí khuyến mãi	3.340.740.309	4.390.081.883
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.523.120.638	2.461.016.088
Chi phí công cụ, dụng cụ	967.216.822	1.629.304.386
Chi phí khấu hao và phân bổ	336.658.346	751.520.017
Chi phí bán hàng khác	917.534.365	2.116.955.602
	<hr/>	<hr/>
	12.742.444.668	16.307.438.430

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	11.434.376.191	12.163.004.894
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.914.024.891	2.637.597.661
Chi phí thuê đất	1.314.890.017	1.317.336.977
Chi phí vật liệu văn phòng	910.905.099	806.600.975
Chi phí khấu hao và phân bổ	386.967.976	374.304.155
Chi phí quản lý khác	6.896.951.294	5.044.876.279
	<hr/>	<hr/>
	22.858.115.468	22.343.720.941

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	130.242.329.366	146.826.896.556
Chi phí nhân công và nhân viên	33.887.903.842	40.789.529.019
Chi phí khấu hao và phân bổ	10.653.820.286	10.234.418.472
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.209.182.438	20.001.858.824
Chi phí khác	42.287.601.200	47.389.655.914
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	1.481.018.402	3.035.081.778
Dự phòng thiếu trong những năm trước	640.368.408	59.711.065
	<hr/> 2.121.386.810	<hr/> 3.094.792.843
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(679.939.932)	(1.788.648.179)
	<hr/> 1.441.446.878	<hr/> 1.306.144.664

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.117.246.030	5.773.167.992
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	823.449.206	1.154.633.599
Chi phí không được khấu trừ thuế	53.200.000	91.800.000
Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	(75.570.736)	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	640.368.408	59.711.065
	<hr/> 1.441.446.878	<hr/> 1.306.144.664

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	2.675.799.152	4.467.023.328
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(947.000.000)	-
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	1.728.799.152	4.467.023.328

(*) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 10.500.000 cổ phiếu.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	169.550.693.850	223.545.813.980
Mua nguyên vật liệu	32.187.465.636	44.738.149.591
Cổ tức	4.827.480.000	2.298.800.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua hàng hóa và dịch vụ	122.070.000	652.794.409
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Mua hàng hóa	204.600.000	237.150.000
Công ty TNHH Bao Bì San Miguel Yamamura Phú Thọ		
Mua vật liệu bao bì	1.820.602.800	1.402.777.800
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	996.802.000	2.073.080.474
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam		
Cho mượn nguyên vật liệu	184.935.960	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn		
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	113.750.000
Ban Giám đốc		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	2.394.605.800	2.100.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Thông tin so sánh

Ngoài một số thông tin so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với quy định về trình bày báo cáo tài chính của năm hiện tại, các thông tin so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán

	1/1/2020 VND (phân loại lại)	1/1/2020 VND (theo báo cáo trước đây)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	3.831.658.396
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	804.425.463	4.636.083.859

Ngày 11 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Đặng Hải Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Hoàng Lâm Hòa
Giám đốc

